Họ tên	Bộ phận	9	10	11	14	15	16	17	18	21	22	23	24	25	28	Tổng
VI THỊ THANH	Phòng TCHC	0,63	8,82	4,57	8,48	8,82	8,65	8,77	8,18	8,7	8,78	8,77	8,72	8,45	8,18	**14**
VỪ Y DỬ	Phòng TCHC	8,27	8,18	8,37	7,97	5,75									8,35	**6**
Phòng TCHC Count	2															
LÔ VĂN THƯƠNG	Phòng TCKT	8,07	8,1	8,25	8,27	4,95	3,6	8,07	8,17	7,9	8,07	7,75				**11**
NGUYỄN THỊ HÀ	Phòng TCKT	4,3	8,15	3,43	8,7	0,73	3,82	1,18	8,55	8,98	8,58	8,07	5,18	8,47	8,8	**14**
VÕ THỊ HÀ	Phòng TCKT	8,42	8,47	7,85	8,43	8,83	4,27	8,15	8,18	8,4	8,82	8,15		4,37	8,27	**13**
Phòng TCKT Count	3															
ĐỖ THỊ TÂM	Phòng KHTH	8,22	8,42	8,07	8,55	9,1	8,1	8,17	8,95	8,17	8,47				8,37	**11**
NGUYỄN SỸ HOÀNG	Phòng KHTH		8.32		8.38	8.83	8.8	2,12	8,23	8,1	8,37	8,25	7,95	8,27	8,25	**12**
KHA THỊ THẢO	Phòng KHTH	6,45	7,07	7,33	7,93	4,6	4,52	6,95	7,02	7,68		4,1	7,62	4,27	2,72	**13**
NGUYỄN THỊ THANH HẢI	Phòng KHTH									8,32	8,4	8,27	8,1	7,63	8,38	**6**
VI THỊ HIỀN	Phòng KHTH	8,7	8,48	8,38	8,47	4,22	8,57	8,47	8,98	8,62	8,52	8,55	8,68	8,32	8,47	**14**
CỬ Y NHÌA	Phòng KHTH	7,58	7,58	7,58	7,92	8,57	7,67	7,43	7,02	7,5	8,08	7,9	7,78	7,82	8	**14**
Phòng KHTH Count	6															
MOONG THỊ THẮM	BAN GIÁM ĐỐC	8,2	8,28	8,08	8,37	8,22	8,18	8,08	2,88	5,62	8,28	8,08	5,57	8,07	8,13	**14**
SẦM VĂN HẢI	BAN GIÁM ĐỐC														2,98	**1**
BAN GIÁM ĐỐC Count	2															